

Bản án số: 04/2022/DS-PT

Ngày 07-01-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền; ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn, kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/DSPT ngày 10/11/2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2021/QĐ-PT ngày 18/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Tất Đ, sinh năm 1937 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn DS, xã LS, huyện TY tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: Anh Nghiêm Văn N, sinh năm 1977 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn DS, xã LS, huyện TY tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện TY, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Tuấn A – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TY đại diện theo quyết định ủy quyền số 3763 ngày 06/7/2021 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949 (có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946 (vắng mặt);

4. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1978 (vắng mặt);

5. Anh Nghiêm Tuấn A, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Đều cư trú: Thôn DS, xã LS, huyện TY tỉnh Bắc Giang.

6. Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Phòng 606, nhà CT6, khu đô thị ĐX, huyện GL thành phố Hà Nội.

7. Anh Hoàng T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Phòng 206, nhà CT4, khu đô thị ĐX, huyện GL thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, anh Hoàng T, chị Hoàng Thị Y: Ông Hoàng Tất Đ, sinh năm 1937 (có mặt);*

Nơi cư trú: Thôn DS, xã LS, huyện TY tỉnh Bắc Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Anh Nghiêm Văn N, sinh năm 1977 (có mặt);*

Nơi cư trú: Thôn DS, xã LS, huyện TY tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Hoàng Tất Đ trình bày: Ông là chủ sử dụng thửa đất số 196, tờ bản đồ số 21, diện tích 340m², địa chỉ thửa đất ở thôn DS, xã LS, huyện TY tỉnh Bắc Giang. Từ năm 1992, gia đình nhà ông và gia đình ông Ch (bố anh N) đã có tranh chấp đất đai và đã được UBND huyện TY giải quyết dứt điểm. Theo kết luận về việc giải quyết tranh chấp đất đai ngày 19/11/1993 của Phòng Nông nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp huyện TY đã xác định ranh giới đất thổ cư của gia đình ông và gia đình ông Ch được xác định bằng tường xây gạch ông Ch xây năm 1987 và theo móng tường đất kéo tới góc hồi sau phía bắc nhà công trình phụ nhà ông Ch. Sau khi có kết luận năm 1995, UBND xã LS thực hiện việc cưỡng chế theo kết luận của Phòng Nông nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp huyện Tân Yên ngày 19/11/1993 lấy bức tường nhà ông Ch xây vào năm 1987 kéo thẳng đến hết đất của hai hộ. Từ sau khi thực hiện xong việc cưỡng chế, hai bên không có tranh chấp. Ranh giới giữa đất nhà ông và nhà ông Ch là một rãnh thoát nước khoảng 30cm kéo dài đến hết đất của hai hộ. Khi ông xây dựng các công trình trên đất ông đều để rãnh thoát nước và rãnh thoát nước thuộc phần đất của gia đình ông. Ngày 05/11/2003, gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện

TY cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 196, tờ bản đồ số 21, diện tích 340m², sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 01652 QSĐĐ/202/QĐ – CT.

Khoảng năm 2014 đến tháng 10 năm 2019, khi vợ chồng ông vắng nhà, anh N đã phá bức tường do ông Ch xây năm 1987 làm công trình phụ lấn sang phần đất mà gia đình ông để lại làm rãnh nước từ trước. Cuối năm 2019 anh N xây nhà trần kiên cố, nhà ngang lấn vào rãnh nước nhà ông diện tích lấn chiếm khoảng 9m², trong đó có bức tường nhà tắm, bức tường nhà ngang, mái ngói công trình của gia đình anh N làm đổ nước mưa sang đất và công trình của gia đình ông.

Ông Đ yêu cầu anh N phải tháo dỡ các công trình, trả lại đất cho gia đình ông theo ranh giới đã được UBND huyện TY giải quyết từ năm 1993.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ yêu cầu anh N phải tháo dỡ phần mái Prôximăng nhà anh N lấn sang phần đất, công trình của gia đình ông; yêu cầu anh N phải tháo dỡ bức tường nhà tắm đã xây lấn, trả lại đất cho ông.

Anh Nghiêm Văn N trình bày: Nguồn gốc thửa đất anh đang ở là do ông Nghiêm Văn Ch, bà Nguyễn Thị H để lại, thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh ngày 05/11/2003 diện tích là 576m², thửa số 97, tờ bản đồ số 21.

Từ năm 1980 đến năm 1985, ranh giới đất nhà anh và nhà ông Đ có hàng dâm bụt từ nhà tắm của nhà anh hiện nay kéo thẳng xuống phía đất đường vào nhà ông Đ. Năm 1992, gia đình ông Đ và gia đình anh có tranh chấp đất đai nhưng đã được UBND huyện TY giải quyết. Sau khi giải quyết xong hai bên không có tranh chấp gì, hai bên đều có rãnh nước làm ranh giới chung. Năm 2019, vợ chồng ông đã phá bỏ ngôi nhà 05 gian tường trình trước đây để làm nhà mái bằng và nhà ngang trên nền cũ của nhà 05 gian. Đến nay, ông Đ khởi kiện cho rằng gia đình anh đã lấn chiếm đất và yêu cầu ông phải tháo dỡ bức tường nhà tắm và không được cho nước chảy từ mái công trình nhà anh sang đất nhà ông Đ, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Về nguồn gốc diện tích hiện bà và gia đình đang sử dụng là do bố mẹ chồng bà cho ra ở riêng. Trong quá trình sử dụng, có tranh chấp với gia đình ông Đ nhưng đã được giải quyết xong từ năm 1993. Năm 2003 bà đã làm thủ tục cho anh Nghiêm Văn N diện tích đất nêu trên.

Ngày 05/11/2003, anh N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Gia đình ông Đ xây dựng nhà và công trình vệ sinh trước gia đình chị. Khi xây dựng các công trình gia đình ông Đ đã xây hết đất, sát tường nhà chị. Năm 2019, gia đình chị làm nhà và xây dựng trên nền móng cũ. Ông Đ cho rằng gia đình lấn chiếm đất nhà ông Đ là không đúng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, chị Hoàng Thị Y, anh Hoàng T đều thống nhất trình bày: Năm 2019, Anh Nghiêm Văn N đã phá nhà cũ xây mới đã lấn chiếm sang đất của gia đình và yêu cầu anh N trả lại toàn bộ phần đất đã lấn chiếm cho gia đình.

Ủy ban nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Tuấn A đại diện theo ủy quyền trình bày: Qua xem xét tài liệu thấy: Diện tích đất cấp cho hộ ông Hoàng Tất Đ thừa số 196, tờ bản đồ số 21, diện tích 340m², bản đồ đo đạc tháng 12 năm 1990. Diện tích đất cấp cho hộ Anh Nghiêm Văn N thừa số 197, tờ bản đồ số 21, diện tích 567m², bản đồ đo đạc tháng 12 năm 1990. Hộ ông Hoàng Tất Đ và hộ Anh Nghiêm Văn N được UBND huyện TY cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 202/QĐ- CT ngày 05/11/2003 của Chủ tịch UBND huyện TY.

Về diện tích đo đạc hiện trạng của hai hộ ông Hoàng Tất Đ và Anh Nghiêm Văn N giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 2003. Qua xem xét hồ sơ liên quan, không đủ căn cứ để xác định nguyên nhân giảm. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY căn cứ vào các quy định của pháp luật để quyết định.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm xác định được: Diện tích đất tranh chấp có hình chữ nhật 2,2 m x 14cm = 0,308m²; trên diện tích đất này anh N xây tường nhà tắm chiều cao 2,4m.

Với nội dung vụ án án như trên, bản án dân sự số 29/2021/DS – ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY đã Quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 174; Điều

175, Điều 176; Điều 250; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 99, Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tất Đ đối với Anh Nghiêm Văn N.

- Buộc Anh Nghiêm Văn N phải tháo dỡ bức tường nhà tắm có chiều dài 2,2m, chiều cao là 2,4m trả lại cho ông Đ rãnh nước có diện tích là 0,308 m² đất có giá trị là 261.800đồng (có hình ABCH trên sơ đồ) gồm các cạnh:

+ Cạnh AH dài 2,2m, trong đó điểm A là góc tường nhà tắm nhà anh N tiếp giáp phía công trình nhà vệ sinh về phía đất nhà anh N, điểm H là vị trí góc nhà tắm sát với tường nhà bếp nhà anh N.

+ Cạnh CB dài 2,2m, trong đó điểm C là góc tường nhà tắm nhà anh N ở phía tiếp giáp công trình nhà tắm nhà ông Đ. Điểm B góc tường nhà tắm nhà anh N ở phía tiếp giáp tường nhà ông Đ

+ Cạnh CH rộng là 14cm.

+ Cạnh BA rộng 14cm.

2. Buộc Anh Nghiêm Văn N cắt phần mái Prôximăng công trình (nhà bếp) nhà anh N có chiều dài 6m (có hình HCEF trên sơ đồ): Cụ thể đoạn HG là đoạn mái công trình nhà anh N phần giáp với nhà tắm nhà anh N có chiều dài = 2m, chiều rộng mái Prôximăng CH= DG = 7cm tính từ mép phần mái Prôximăng bên ngoài phía nhà tắm nhà ông Đ về phía mép tường bên ngoài tường nhà bếp của nhà anh N. Đoạn GF chiều dài = 4m, có chiều rộng mái Prôximăng DG= EF= 17cm tính từ mép phần mái Prôximăng bên ngoài phía nhà tắm nhà ông Đ về phía mép tường bên ngoài tường nhà bếp của nhà anh N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/8/2021 anh Nghiêm Văn N kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS – ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Tất Đ không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; anh Nghiêm Văn N không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Anh Nghiêm Văn N trình bày: Theo bản đồ giải thửa năm 1991 thì ranh giới đất của gia đình anh và gia đình ông Đ là đường thẳng kéo dài hết đường ranh giới, nhưng gia đình ông Đ xây dựng công trình lấn sang đất của gia đình anh, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất của gia đình anh là 548,7m² thiếu 18,3m² so với bản đồ giải thửa năm 1991 nhưng bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là không đúng với bản đồ năm 1991. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ông Hoàng Tất Đ trình bày: Ranh giới thửa đất của gia đình ông và gia đình anh N là bức tường do ông Ch là bố đẻ anh N xây từ năm 1987, đã được Ủy ban nhân dân huyện TY giải quyết tranh chấp vào năm 1993, hai hộ sử dụng ổn định từ năm 1993 theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện TY. Đến năm 2014 ông vắng nhà, anh N phá bức tường cũ xây dựng công trình lấn sang đất của gia đình ông. Ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Nghiêm Văn N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS – ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY.

Anh Nghiêm Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh N yêu cầu hủy bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành việc thu thập chứng cứ và chứng minh đầy đủ và đúng quy định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự mà không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét ý kiến của anh Nghiêm Văn N cho rằng: Bản án sơ thẩm xét xử không đúng ranh giới theo bản đồ giải thửa năm 1991. Hội đồng xét xử thấy: Theo bản đồ giải thửa năm 1991 thì gia đình ông Đ sử dụng thửa đất số 196, diện tích 340m², gia đình anh N sử dụng thửa đất 197, diện tích 567m², ranh giới hai thửa đất là đường thẳng kéo hết đất. Theo bản đồ địa chính xã LS đo đạc năm 2010 thửa đất của gia đình ông Đ có số thửa 105, diện tích 329,1m², thửa đất của gia đình anh N có số thửa 106, diện tích 547,3m². Kết quả Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng thửa đất số 105 diện tích 329m², thửa đất số 106 diện tích 547,3m².

Về ranh giới giữa hai thửa đất: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án năm 1992, gia đình ông Đ và ông Ch(là bố anh N) đã có tranh chấp ranh giới hai thửa đất và đã được UBND xã LS và UBND huyện TY giải quyết tại Quyết định số

43/QĐ/UB ngày 23/3/1992, Quyết định số 02/QĐ/UB ngày 27/02/1993 của Ủy ban nhân dân huyện TY (bút lục số 02, 07), Kết luận ngày 19/11/1993 của Phòng Nông nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp huyện TY (bút lục số 04,05,06). Theo các quyết định, kết luận trên: Ranh giới của hai gia đình là bức tường do ông Chxây dựng năm 1987, kéo thẳng hết đất hai hộ, năm 1988, ông Đ xây lại nhà bếp giáp đất thổ cư nhà ông Ch và có rãnh thoát nước giữa đất nhà ông Đ và đất nhà ông Châu. Đây là những tình tiết được xác định trong quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ năm 1993 đến năm 2014 các bên sử dụng đất ổn định theo các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện TY. Anh N thừa nhận ranh giới hai nhà trước đây là bức tường do ông Chxây dựng, các công trình nhà anh và nhà ông Đ đều có rãnh nước chung, nhưng phần nhà tắm, nhà vệ sinh của gia đình anh với công trình nhà ông Đ không có rãnh nước ngăn cách giữa hai thửa đất.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Hiện trạng sử dụng đất của hai hộ có ranh giới giữa các công trình chăn nuôi, nhà bếp, nhà ngang của gia đình anh N và các công trình nhà ông Đ đều có rãnh nước từ 10cm đến 20cm nhưng nhà tắm, nhà vệ sinh của hộ anh N xây dựng thực tế đã lấn hết phần rãnh nước. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, ranh giới theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Ch và gia đình ông Đ vào 1992 và năm 1993 của UBND huyện TY và căn cứ vào lời thừa nhận của anh N, có căn cứ xác định anh N làm nhà tắm lấn sang đất nhà ông Đ. Kết quả thẩm định tại chỗ xác định được anh N xây đoạn tường nhà tắm có hình chữ nhật có diện tích là $2,2 \text{ m} \times 14 \text{ cm} = 0,308 \text{ m}^2$ lấn vào rãnh nước là đường ranh giới đã được hai bên thừa nhận sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Ch và ông Đ từ năm 1993.

Điều 175 Bộ luật dân sự quy định về ranh giới giữa các bất động sản như sau: Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.

Khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013 nghiêm cấm các hành vi: Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai.

Anh N xây dựng công trình lấn ranh giới là đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Đ là vi phạm quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 12 Luật đất đai. Bản án sơ thẩm buộc anh N phải tháo dỡ phần công trình lấn sang đất của gia đình ông Đ, trả lại ranh giới đã được ông Ch xác lập từ năm 1987 là có căn cứ, đúng với ranh giới theo bản đồ năm 1991, đúng quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự, và Điều 12, Điều 166 Luật đất đai.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS – ST ngày 18/8/2021 của Toà án nhân dân huyện TY.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nghiêm Văn N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS – ST ngày 18/8/2021 của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nghiêm Văn N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại biên lai số AA/2020/0000389 ngày 08/9/2021. Xác nhận Anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo